

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 01-12-2017

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Sĩ Trung.

2. Bà Bùi Thanh Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 01 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 258/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Võ Thị Ngọc G, sinh năm 1984. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 596, ấp H, xã T, huyện N, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Lê Thanh T, sinh năm 1985. (Có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 287/2, khu vực E, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/9/2017 và quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc G trình bày:

Vào năm 2008, chị và anh Lê Thanh T sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Long Thuận, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 09/5/2008.

Cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh T hạnh phúc không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn vào tháng 8 năm 2016. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả mà mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên chị và con đã về nhà cha mẹ chị sống, vợ chồng đã ly thân từ tháng 8 năm 2016 đến nay. Trong suốt thời gian ly thân, anh chị đã không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc B (nữ, sinh ngày 19/5/2009) và Lê Võ Thanh L (nam, sinh ngày 11/11/2012) hiện chị đang nuôi dưỡng. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu B và cháu L đến trưởng thành, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu.

Tại Bản tự khai đề ngày 25/10/2017, bị đơn anh Lê Thanh T trình bày:

Anh và chị Võ Thị Ngọc G do quen biết nên tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn năm 2012 tại Ủy ban nhân dân xã Long Thuận, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Đến tháng 8 năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng hay bất hòa về tình cảm. Xét thấy không thể hàn gắn tình cảm nên chị G có yêu cầu ly hôn, anh cũng đồng ý ly hôn với chị G.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc B (nữ, sinh ngày 19/5/2009) và Lê Võ Thanh L (nam, sinh ngày 11/11/2012) hiện chị G đang nuôi dưỡng. Anh đồng ý giao cháu B và cháu L cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đối với bị đơn anh Lê Thanh T để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng anh T có đơn xin vắng mặt. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207 và Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.
- Bị đơn có đơn xin vắng mặt tại tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Võ Thị Ngọc G và anh Lê Thanh T tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn nên chị G khởi kiện ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tuy nhiên, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T theo quy định tại Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Chị G và anh T có đăng ký kết hôn vào năm 2012, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn.

Tại phiên tòa, chị G cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh T không quan tâm gia đình. Ngoài ra, anh T còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng. Nay chị không còn tình cảm gì với anh T nữa nên chị yêu cầu được ly hôn.

Về phía anh T, mặc dù vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong Bản tự khai ngày 25/10/2017, anh T cũng thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị G. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị G là có căn cứ để chấp nhận.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Thị Ngọc B (nữ, sinh ngày 19/5/2009) và Lê Võ Thanh L (nam, sinh ngày 11/11/2012).

Hiện nay cháu B và cháu L đang sống chung với chị G, khi ly hôn chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung đến trưởng thành, anh T đồng ý; đồng thời, cháu B có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị G.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện chị G đang nuôi dưỡng cháu B và cháu L, chị G có đảm bảo cho các cháu các điều kiện về sinh hoạt và học tập cũng như

đảm bảo cho sự phát triển toàn diện về mọi mặt của trẻ nên cần ổn định cho chị G được tiếp tục nuôi dưỡng cháu B và cháu L đến trưởng thành là phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của cháu B.

Mặc dù anh T không trực tiếp nuôi con nhưng pháp luật dành cho anh T quyền được thăm nom con chung, không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, chị G cho rằng hiện nay chị đang làm nghề thợ may, có thu nhập ổn định hàng tháng khoảng 7 triệu/tháng. Với mức thu nhập này cùng với sự giúp đỡ của cha mẹ chị thì chị có đủ khả năng nuôi dưỡng con chung nên chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị G và anh T cùng thừa nhận không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị G phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc G.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Võ Thị Ngọc G được ly hôn với anh Lê Thanh T.

- Về con chung: Giao 02 cháu Lê Thị Ngọc B (nữ, sinh ngày 19/5/2009) và Lê Võ Thanh L (nam, sinh ngày 11/11/2012) cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng đến trưởng thành. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho anh T không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Võ Thị Ngọc G phải chịu số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*), chuyển tiền tạm ứng án phí chị G đã nộp theo biên lai thu số 001446 ngày 04/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn thành tiền án phí (công nhận chị G đã nộp xong).

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- TAND TP. Cần Thơ;
- UBND xã Long Thuận,
huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Sĩ Trung

Bùi Thanh Hà

Bùi Trần Thanh Thế